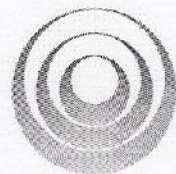


**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
SEASPIMEX - VIETNAM**



SEASPIMEX®

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2017

Tiếp tục trong 15 năm Cổ phần hóa, Công ty đã chủ động tự cân đối, tự trang trải nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do hoạch định những chiến lược sản xuất – kinh doanh đúng hướng nên việc các công ty thành viên ra đời là một hệ quả tất yếu.

Cụ thể, ngày 01/09/2008 Nhà máy Bình Chánh đã đưa vào hoạt động với công suất hơn 15,000 tấn thành phẩm/năm.

Song song với việc phát triển bền vững đó, ngày 01/01/2011 Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản - SEASPIMEX VIETNAM chính thức trình diện bộ nhận diện thương hiệu mới cho tất cả các hạng mục: LOGO, CÁC ÁN PHẨM VĂN PHÒNG, TRANG WEB, BAO BÌ CHO TOÀN BỘ SẢN PHẨM

Với sự đầu tư đúng mức, hơn 30 năm kinh nghiệm trên thị trường thế giới và thị trường nội địa, chắc chắn Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản - SEASPIMEX VIETNAM sẽ đạt được những thành công vượt bậc về cung cấp hàng hóa chất lượng, dịch vụ kịp thời, nhanh chóng, tiện ích.

– Niêm yết: Cổ phiếu Công ty chưa niêm yết.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

– Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến, đóng hộp thủy hải sản; dịch vụ bảo quản thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1020 (chính)
2	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm khác (không hoạt động tại trụ sở)	4632
3	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
4	Nuôi trồng thủy sản nội địa Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản, ương cá giống (không hoạt động tại trụ sở)	0322
5	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản Chi tiết: Sản xuất thủy hải sản (không hoạt động tại trụ sở)	1080
6	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Dịch vụ bảo quản rau quả và thực phẩm các loại (không hoạt động tại trụ sở)	1030
7	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy Chi tiết: Lắp ráp xe gắn máy	4542
8	Bán xe mô tô, xe máy Chi tiết: Mua bán xe mô tô, xe máy	4541
9	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân đầu vào Chi tiết: Sản xuất nông phẩm, thực phẩm các loại (không hoạt động tại trụ sở)	1079
10	SX, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và SX nước đá Chi tiết: Sản xuất nước đá (không hoạt động tại trụ sở)	3530
11	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí, hệ thống sấy, hút bụi, thông gió, kho lạnh, hệ thống điều hòa trung tâm	4322

3302
CÔ
CÔ
THỦY
PHỤ

STT	Tên ngành	Mã ngành
12	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Kinh doanh thủy hải sản, thức ăn nuôi thủy sản và gia súc, gia cầm. Mua bán nông lâm thủy hải sản.	4620
13	Buôn bán đồ uống Chi tiết: Mua bán rượu bia, nước giải khát (không kinh doanh dịch vụ ăn uống)	4633
14	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Mua bán đồ điện gia dụng, đồ dùng cá nhân và gia đình	4649
15	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Mua bán sắt thép, kim loại màu, sản phẩm gỗ, kim khí	4662
16	Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán thiết bị văn phòng, thiết bị phục vụ nhà hàng, khách sạn	4659
17	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet	6209
18	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Mua bán phụ tùng các loại	4543
19	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng	4663
20	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Mua bán máy tính và linh kiện phụ tùng, phần mềm máy tính	4651
21	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không hoạt động tại trụ sở)	5510
22	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: kinh doanh nhà hàng ăn uống	5610
23	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán xe ô tô	4511
24	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Giáo dục trung học chuyên nghiệp; đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở)	8532
25	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông	6190
26	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh nhà ở. Dịch vụ cho thuê nhà, kho, kho lạnh	6810
27	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ KD khác còn lại chưa được phân đầu vào Chi tiết: Dịch vụ cung cấp nước đá	8299

- Địa bàn kinh doanh: Phần lớn xuất khẩu sang các thị trường Châu Mỹ, Châu Âu, Châu Á ... và thị trường nội địa.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

– Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty bao gồm:

• Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên:

- ông Lê Công Đức Chủ tịch
- ông Bùi Tuấn Ngọc Thành viên
- ông Cao Thanh Định Thành viên
- ông Nguyễn Văn Liêm Thành viên
- ông Trần Phước Thái Thành viên

• Ban Điều hành Công ty gồm 04 thành viên:

- ông Lê Công Đức Tổng Giám đốc
- ông Lê Minh Bằng Phó Tổng Giám đốc
- ông Nguyễn Minh Tiến Phó Tổng Giám đốc
- bà Đặng Thị Ngọc Bích Kế toán trưởng

• Địa điểm kinh doanh: Nhà máy Chế biến thủy sản.

Địa chỉ : B23/63 Hoàng Phan Thái, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : (028) 37608215

Fax : (028) 37608213

Khuôn viên : 20.000m²

Công suất : 15.000 tấn/ năm

Bao gồm các phòng ban và các phân xưởng sau đây:

- Phòng Kế toán – Tài chính;
- Phòng Hành chính – Nhân sự;
- Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu;
- Phòng Kế hoạch & Cung ứng vật tư nguyên liệu;
- Phòng Quản lý chất lượng và Nghiên cứu sản phẩm;
- Phòng Kho vận;
- Phòng Kỹ thuật – Cơ điện;
- Phòng Kinh doanh Nội địa;
- Các phân xưởng sản xuất: Phân xưởng Cá hồi, Phân xưởng Đồ hộp, Phân xưởng Súc sản, Phân xưởng Đông lạnh, Phân xưởng Ghẹ.



– **Các công ty con, chi nhánh:**

• **Seaspimex Bến Tre:**

NHÀ MÁY ĐÔNG LẠNH BA TRI (BTF)

Địa chỉ: Xã An Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

Khuôn viên: 5.000m²

Công suất: 2.000 tấn/ năm

Lĩnh vực: Sản xuất, chế biến các sản phẩm hải sản đông lạnh như tôm càng, bạch tuộc, đùì ếch...

• **Seaspimex Hà Nội:**

Địa chỉ : 101 TT Bộ Thủy Sản, Ngõ 20 Nguyễn Công Hoan, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại : 024. 37711168 - 024. 37712498

Fax : 024. 37719431

Là đơn vị thay mặt công ty Seaspimex, các nhà máy chế biến ... quản lý, ký kết các hợp đồng và bán hàng cho thị trường từ TP.Vinh trở ra Bắc.

4. Định hướng phát triển:

– Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Huy động và sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao tính cạnh tranh, đạt tỷ suất lợi nhuận tối ưu.

Thực hiện đúng các chế độ tài chính kế toán theo Quy định của Nhà nước, thực hiện tốt các chính sách thuế, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Không ngừng nâng cao đời sống cho CB.CNV Công ty, thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV.

Đảm bảo lợi ích hợp pháp cho các cổ đông.

– Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Khai thác tối đa công suất các phân xưởng, tăng tính hiệu quả, đảm bảo phát triển bền vững, ổn định và lâu dài cho doanh nghiệp.

Hoàn thiện bộ máy quản lý theo chiều hướng tinh gọn và hiệu quả.

Tiếp tục cải thiện điều kiện thiết bị và áp dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động.

Xây dựng và quảng bá hình ảnh Công ty, đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường xuất khẩu, đầu tư cho hệ thống phân phối thị trường nội địa, giữ vững uy tín và chất lượng sản phẩm.

– Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):

Hưởng ứng và tích cực tham gia các hoạt động về bảo vệ môi trường. Thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa doanh nghiệp, thực hiện chính sách tiết kiệm, phòng chống lãng phí.

Tạo công ăn việc làm cho người lao động có thu nhập ổn định và không ngừng nâng cao đời sống cho người lao động.

Xây dựng quỹ mái ấm công đoàn, trợ cấp khó khăn cho người lao động bằng cách cho vay không tính lãi, cấp học bổng cho con CB.CNV có hoàn cảnh khó khăn nhưng



học giới. Tổ chức thăm hỏi các CB.CNV khi ốm đau, thai sản và tặng quà cho CB.CNV có hoàn cảnh khó khăn và dịp Tết Nguyên đán ...

5. Các rủi ro:

Nguồn nguyên liệu không ổn định, cạnh tranh thu mua nguyên liệu gay gắt trong khi Công ty đang thiếu hụt nguồn vốn lưu động ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng kịp thời các đơn hàng của khách hàng.

Lực lượng lao động so với công suất của máy móc thiết bị đang bị thiếu hụt nghiêm trọng và hiện tại rất khó tuyển dụng do đặc thù của ngành chế biến thủy sản.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Năm 2017 hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn tiếp tục cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu và nội địa;
- Nguyên liệu phục vụ sản xuất thiếu hụt nghiêm trọng do nguồn cá bị cạn kiệt, khu vực đánh bắt bị thu hẹp do các nguyên nhân khách quan;
- Máy móc thiết bị cũ không đồng bộ, năng suất lao động thấp, khó tuyển dụng lao động phổ thông;
- Tình hình tài chính của Công ty chưa được cải thiện vẫn tiếp tục phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn vốn vay cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Việc Nhà nước ban hành các chính sách có hiệu lực từ 01/01/2017 làm gia tăng chi phí liên quan đến chế độ lao động tiền lương. Nhà nước áp dụng khung tính giá thuê đất mới tại 51/14 Hòa Bình (số cũ 176/32) từ năm 2018, đồng thời truy thu tiền thuê đất của 2 năm 2016 và 2017 (tăng thêm 1 tỷ đồng/năm) làm gia tăng gánh nặng cho chi phí hoạt động của Công ty trong năm 2017 và các năm tiếp theo;
- Lực lượng lao động biến động liên tục, số lượng công nhân tay nghề cao ngày càng ít dẫn đến năng suất lao động thấp. Công ty đã cố gắng đưa ra các chính sách tuyển dụng lao động, sử dụng các biện pháp cải tiến hợp lý hóa quy trình sản xuất nhằm tiết giảm chi phí, thời gian sản xuất;
- Bộ máy tổ chức tiếp tục được củng cố định biên lại lực lượng lao động gián tiếp theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Tập thể CBCNV đoàn kết, gắn bó phấn đấu vì mục tiêu chung của Công ty.

- Các chỉ tiêu thực hiện năm 2017:

Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện các năm		So sánh (%)	
			2017	2016	Kế hoạch	Cùng kỳ
I. NHÀ MÁY SEASPIMEX						
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	14,17	13,06	14,13	92	92
2. Doanh thu	Tỷ đồng	475,45	379,18	485,72	80	78
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	3.370,00	2.895,38	3.247,00	86	89
4. Gia công	Tấn	2.822,00	3.238,84	3.848,00	115	84
II. CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP THỦY SẢN BA TRI						
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	4,53	5,76	3,97	127	145
2. Doanh thu	Tỷ đồng	147,44	180,49	138,79	122	130
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	1.150,00	1.313,10	1.093,00	114	120
III. CHI NHÁNH HÀ NỘI						
1. Doanh thu	Tỷ đồng	11,24	9,44	10,10	84	93
IV. CÔNG TY SEASPIMEX (Tổng cộng các thành viên)						
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	18,7	18,82	18,1	100	103
2. Doanh thu	Tỷ đồng	634,13	569,11	634,612	90	90
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	4.520,00	4.208,48	4.340	93	97
4. Gia công	Tấn	2.822,00	3.238,84	3.848	115	84
5. Lợi nhuận	Tỷ đồng	15,00	15,74	-12,278	105	

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành: (Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong BDH)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Thâm niên công tác	Chức vụ	Sở hữu cổ phần (%)
1	Lê Công Đức	Nam	28/10/1960	Kỹ sư cơ khí Cử nhân kinh tế	01/04/2015	Tổng Giám đốc	0,00
2	Lê Minh Bằng	Nam	23/04/1966	KS điện Cử nhân kinh tế	01/05/2015	P. TGD	0,00
3	Nguyễn Minh Tiến	Nam	14/12/1959	KS điện	01/05/2015	P. TGD	0,00
4	Đặng Thị Ngọc Bích	Nữ	26/02/1964	Cử nhân Kinh tế	01/12/1983	Kế toán trưởng	0,00

- Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2017: không có
- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:
Số lượng cán bộ nhân viên tính đến thời điểm 31/12/2017: 926 LĐ 718 (BC) + 208 (BT)
Thu nhập BQ của người lao động/tháng: 5.361.000 đồng 5.664.773 (BC) + 5.059.000 (BT)
- Các chính sách đối với người lao động:

Mặc dù thị trường xuất khẩu trong các tháng cuối năm giảm mạnh do giá thế giới liên tục hạ, nhà máy Seaspimex vẫn hoạt động gần hết công suất thiết kế, duy trì được đội ngũ lao động lành nghề, đảm bảo thu nhập cho Người lao động, chi trả lương đủ và đúng hạn cho Người lao động. Thu nhập bình quân của Người lao động trong Công ty là 5,3 triệu đồng/người/tháng.

Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng đời sống cho CB.CNV, ngoài bữa cơm trưa và tăng ca theo quy định, Công ty còn tổ chức bữa ăn chiều cho CB.CNV Công ty. Hỗ trợ xe đưa rước CB.CNV ở xa nhà máy, hỗ trợ tiền thuê nhà cho CN ngoại tỉnh. Tham gia Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB.CNV trong Công ty.

Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV theo quy định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

STT	Nội dung	ĐVT	Giá trị đầu tư
1	Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	VNĐ	116.230.738
2	Đầu tư dài hạn khác	VNĐ	0
Tổng cộng		VNĐ	116.230.738

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

+ Chi nhánh Xí nghiệp Thủy sản Ba Tri (BTF):

- Chi nhánh Ba Tri tiếp tục khai thác, duy trì các mặt hàng chủ lực: đùì ếch, bạch tuộc, ghẹ. Tuy giá nguyên liệu tăng cao, nhưng do tiết giảm chi phí và có chính sách kinh doanh phù hợp nên đạt và vượt kế hoạch.
- Sản lượng sản xuất: 1.313,10 tấn.
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017:
 - Doanh số xuất khẩu: 5,76 triệu USD bằng 145% năm 2016.
 - Lợi nhuận đạt giá trị: 4,28 tỷ đồng.

+ Chi nhánh Hà Nội:

- Hoạt động theo mô hình Công ty mẹ giao chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận.
- Kết quả kinh doanh năm 2017:
 - Doanh thu thực hiện: 9,44 tỷ đồng bằng 93% năm 2016.
 - Lợi nhuận đạt giá trị: 0,56 tỷ đồng

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	350,560	312,216	
Doanh thu thuần	590,856	526,546	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	23,702	15,747	
Lợi nhuận khác	(35,981)	(0,355)	
Lợi nhuận trước thuế	(12,279)	15,392	
Lợi nhuận sau thuế	(12,456)	15,234	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	(1,153)	1,411	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,81	0,76	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,53	0,53	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,72	0,63	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,55	1,74	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	5,61	8,66	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,69	1,69	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	(2,11%)	2,89%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	(12,60%)	13,36%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	(3,55%)	4,88%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	4,01%	2,99%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

Tổng số lượng cổ phần đang lưu hành: 10.800.000 cổ phần (Mười triệu tám trăm ngàn cổ phần).

Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

Tính đến hết ngày 05/04/2018 Công ty có 543 cổ đông, trong đó cơ cấu cổ đông cụ thể như sau:

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông Nhà nước	1	1.944.000	18,00
2	Cổ đông Tổ chức	6	1.741.700	16,13
3	Cổ đông là thành viên HĐQT	2	1.398.890	12,95
4	Cổ đông Nước ngoài	13	304.481	2,82
5	Cổ đông cá nhân	521	5.410.929	51,10
TỔNG CỘNG		543	10.800.000	100,00
Trong đó: Cổ đông lớn (nắm giữ trên 5% CP)		2	1.717.100	15,90

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Cty năm 2017:

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Nguyên liệu được sử dụng sản xuất và đóng gói SP trong năm 2017:

Nhà máy Bình Chánh : 4.768.642 kg

CN XN thủy sản Ba Tri : 1.924.039 kg

Tổng cộng : 6.692.681 kg

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có.

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

STT	Loại năng lượng	ĐVT	Nhà máy Bình Chánh	CN XNTS Ba Tri	Tổng cộng
1	Điện	KWk	6.723.559	1.816.500	8.540.059
2	Xăng	lít	430	1.930	11.110
3	Dầu DO	lít	5.600	44.457	50.057
4	Dầu hỏa	lít	0	0	0
5	Củi thanh cây	kg	1.819.310	0	1.819.310

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này:

6.3 Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Nguồn cung cấp nước: Nước thủy cục và khai thác nước ngầm.

STT	Nguồn cung cấp nước	ĐVT	Nhà máy Bình Chánh	CN XNTS Ba Tri	Tổng cộng
1	Thủy cục	m ³	1.066	0	1.066
2	Khai thác nước ngầm	m ³	109.788	43.800	153.588

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: 01 lần

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: 130.000.000 đồng

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Số lượng cán bộ nhân viên tính đến thời điểm 31/12/2017: 926 người.

Thu nhập bình quân của người lao động/ tháng: 5.361.000 đồng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của NLD:

Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng đời sống cho CB.CNV, ngoài bữa cơm trưa và tăng ca theo quy định, Công ty còn tổ chức bữa ăn chiều cho CB.CNV Công ty, xe đưa rước CNV ở xa, hỗ trợ tiền thuê nhà cho CNV ngoại tỉnh. Tham gia Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB.CNV trong Công ty.

Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV theo quy định.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại NV.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

PHẦN I: TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017:

1. Thuận lợi - khó khăn:

- Năm 2017 hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn tiếp tục cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu và nội địa;
- Nguyên liệu phục vụ sản xuất thiếu hụt nghiêm trọng do nguồn cá bị cạn kiệt, khu vực đánh bắt bị thu hẹp do các nguyên nhân khách quan;
- Máy móc thiết bị cũ không đồng bộ, năng suất lao động thấp, khó tuyển dụng lao động phổ thông;
- Tình hình tài chính của Công ty chưa được cải thiện vẫn tiếp tục phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn vốn vay cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Việc Nhà nước ban hành các chính sách có hiệu lực từ 01/01/2017 làm gia tăng chi phí liên quan đến chế độ lao động tiền lương. Nhà nước áp dụng khung tính giá thuê đất mới tại 51/14 Hòa Bình (số cũ 176/32) từ năm 2018, đồng thời truy thu tiền thuê đất của 2 năm 2016 và 2017 (tăng thêm 1 tỷ đồng/năm) làm gia tăng gánh nặng cho chi phí hoạt động của Công ty trong năm 2017 và các năm tiếp theo;
- Lực lượng lao động biến động liên tục, số lượng công nhân tay nghề cao ngày càng ít dẫn đến năng suất lao động thấp. Công ty đã cố gắng đưa ra các chính sách tuyển dụng lao động, sử dụng các biện pháp cải tiến hợp lý hóa quy trình sản xuất nhằm tiết giảm chi phí, thời gian sản xuất;
- Bộ máy tổ chức tiếp tục được củng cố định biên lại lực lượng lao động gián tiếp theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Tập thể CBCNV đoàn kết, gắn bó phấn đấu vì mục tiêu chung của Công ty.

2. Tình hình hoạt động của các lĩnh vực:

a. Về xuất khẩu:

- Hoạt động xuất khẩu trong năm 2017 chưa có tín hiệu tăng trưởng, Công ty tiếp tục duy trì các thị trường và nhóm khách hàng truyền thống tuy nhiên tiếp tục gặp phải sự cạnh tranh của các đối thủ trong nước cũng như các quốc gia trong khu vực;
- Thị trường Châu Âu bắt đầu xiết chặt việc giám sát, truy xuất nguồn gốc nguyên liệu đánh bắt tự nhiên khi nhập khẩu vào Châu Âu nhằm chống đánh bắt bất hợp pháp (cụ thể ngày 23/10/2017 EU đã cảnh cáo hàng hóa Việt Nam (bằng thẻ vàng) sẽ thực hiện kiểm tra nghiêm ngặt và cưỡng chế đối với việc khai báo của các nhà xuất khẩu Việt Nam), đồng thời thị trường Mỹ cũng bắt đầu áp dụng biện pháp giám sát này từ

01/01/2018 cho hơn 20 mặt hàng từ Việt Nam và trong tương lai sẽ mở rộng cho các mặt hàng còn lại từ Việt Nam;

- Các thị trường xuất khẩu cho các ngành hàng khác như: ghe tương đối ổn định nhưng giá nguyên liệu có xu hướng tăng cao trong khi giá xuất khẩu giảm do cạnh tranh giá bán trên thị trường, giá nguyên liệu bạch tuộc tăng cao do sản lượng đánh bắt giảm làm cho kết quả sản xuất kinh doanh ngành hàng giảm. Năm 2017 thị trường đùi ếch có sự cạnh tranh cả đầu vào và đầu ra, tuy nhiên Công ty vẫn giữ được thị trường xuất khẩu, hàng hóa sản xuất được tiêu thụ ngay trong kỳ, giảm tồn kho như các năm trước.

b. Về gia công:

- Hoạt động gia công ngày càng khó khăn do giá gia công thấp và giá nguyên liệu tăng cao dẫn đến sức mua giảm, sản lượng gia công giảm;
- Công ty tiếp tục được tín nhiệm của các đối tác gia công nước ngoài truyền thống: cá hồi đông lạnh, cá Saba đông lạnh, bạch tuộc;
- Nhóm khách hàng gia công nội địa ổn định tuy nhiên sản lượng gia công không như các năm trước đây do khách hàng gặp khó khăn về nguồn cung cấp nguyên liệu.

c. Kinh doanh nội địa:

- Phòng Kinh doanh nội địa được cơ cấu phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao, tiết giảm chi phí trong lưu thông, tăng cường hoạt động marketing nhằm quảng bá các sản phẩm mở rộng đối tượng khách hàng;
- Duy trì các sản phẩm chủ lực có thể mạnh: cá xốt cà, cá ngừ đóng hộp, thịt đóng hộp các loại;
- Thực hiện kinh doanh các mặt hàng nội địa có lợi nhuận, mở rộng kênh phân phối truyền thống.

Năm 2017 mặc dù tiếp tục đối diện nhiều khó khăn và thách thức, Ban Tổng Giám Đốc đã kịp thời điều chỉnh linh hoạt phương án kinh doanh, giữ vững sự ổn định bộ máy, tìm các giải pháp tăng trưởng, tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh đạt được mức lợi nhuận do ĐHDCD và HĐQT giao.

3. Tình hình hoạt động của các đơn vị:

a. Nhà máy chế biến thủy sản Seaspimex:

- Trong năm 2017, tình hình giá nguyên liệu cho 2 mặt hàng chủ lực của Công ty: ghe, cá ngừ, biến động tăng liên tục do sản lượng đánh bắt giảm vì ảnh hưởng yếu tố thời tiết và các nguyên nhân khách quan khác. Ngoài ra do tình hình giá nguyên liệu cá ngừ thế giới tăng vì vậy các đơn vị xuất khẩu tại Việt Nam gia tăng xuất khẩu nguyên liệu và hàng sơ chế (loin cá đông lạnh) làm cho giá cả thị trường nguyên liệu trong nước biến động tăng không ngừng do thiếu hụt nguồn cung cấp;
- Trước tình hình đó, Nhà máy liên tục theo dõi và điều chỉnh lại chính sách giá hợp lý để duy trì ổn định các mặt hàng xuất khẩu chủ lực, thông qua các kênh thông tin bán hàng để tiếp tục tìm kiếm các khách hàng mới. Giữ vững các thị trường truyền thống xây dựng mối quan hệ bền vững với nhóm khách hàng lâu năm;
- Trong năm 2017, Công ty đã nỗ lực trong việc giải quyết xong hồ sơ hoàn thuế GTGT tồn đọng từ tháng 01/2012 đến 06/2015, tổng số tiền được hoàn là: 11.166.208.447 đồng;
- Đã hoàn tất thủ tục giải thể và đóng mã số thuế của nhà máy thực phẩm Bình Chánh (BCF) trong năm 2017;
- Cải tạo lại hệ thống cấp nước phục vụ cho sản xuất đáp ứng yêu cầu về an toàn vệ sinh cho sản xuất chế biến thủy sản;

- Nhà máy tiếp tục cải tiến bộ máy quản lý sản xuất, hợp lý hóa các dây chuyền sản xuất, tuy nhiên vẫn còn nhiều tồn tại bất cập do không thiết bị đồng bộ và không theo kịp tốc độ gia tăng sản xuất;
- Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác gia công với khách hàng Nhật lâu năm: cá hồi, cá Saba, cũng như các khách hàng gia công trong nước.
- Tổng sản lượng: 6.134,22 tấn. Trong đó:
 - Sản lượng sản xuất: 2.895,38 tấn.
 - Sản lượng gia công: 3.238,84 tấn.
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017:
 - Doanh số xuất khẩu: 13,06 triệu USD bằng 92% năm 2016.
 - Doanh số nội địa: 75,36 tỷ đồng bằng 86% năm 2016.
 - Lợi nhuận đạt giá trị: 10,90 tỷ đồng.

b. Chi nhánh Xí nghiệp Thủy sản Ba Tri:

- Chi nhánh Ba Tri tiếp tục khai thác, duy trì các mặt hàng chủ lực: dúi ếch, bạch tuộc, ghẹ. Tuy giá nguyên liệu tăng cao, nhưng do tiết giảm chi phí và có chính sách kinh doanh phù hợp nên đạt và vượt kế hoạch.
- Sản lượng sản xuất: 1.313,10 tấn.
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017:
 - Doanh số xuất khẩu: 5,76 triệu USD bằng 145% năm 2016.
 - Lợi nhuận đạt giá trị: 4,28 tỷ đồng.

c. Chi nhánh Hà Nội:

- Hoạt động theo mô hình Công ty mẹ giao chi tiêu doanh thu, lợi nhuận.
- Kết quả kinh doanh năm 2017:
 - Doanh thu thực hiện: 9,44 tỷ đồng bằng 93% năm 2016.
 - Lợi nhuận đạt giá trị: 0,56 tỷ đồng.

3. Kết quả thực hiện năm 2017 và dự kiến kế hoạch năm 2018:

Kết quả thực hiện năm 2017:

Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện các năm		So sánh (%)	
			2017	2016	Kế hoạch	Cùng kỳ
I. NHÀ MÁY SEASPIMEX						
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	14,17	13,06	14,13	92	92
2. Doanh thu	Tỷ đồng	475,45	379,18	485,72	80	78
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	3.370,00	2.895,38	3.247,00	86	89
4. Gia công	Tấn	2.822,00	3.238,84	3.848,00	115	84
II. CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP THỦY SẢN BA TRI						
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	4,53	5,76	3,97	127	145
2. Doanh thu	Tỷ đồng	147,44	180,49	138,79	122	130
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	1.150,00	1.313,10	1.093,00	114	120
III. CHI NHÁNH HÀ NỘI						
1. Doanh thu	Tỷ đồng	11,24	9,44	10,10	84	93
IV. CÔNG TY SEASPIMEX (Tổng cộng các thành viên)						
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	18,7	18,82	18,1	100	103
2. Doanh thu	Tỷ đồng	634,13	569,11	634,612	90	90
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	4.520,00	4.208,48	4.340	93	97
4. Gia công	Tấn	2.822,00	3.238,84	3.848	115	84
5. Lợi nhuận	Tỷ đồng	15,00	15,74	-12,278	105	

Kế hoạch năm 2018:

Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	
			Giá trị	S. sánh KH/2017 (%)
I. NHÀ MÁY SEASPIMEX				
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	13,06	13,97	107,0
2. Doanh thu	Tỷ đồng	379,18	447,08	117,9
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	2.895,38	3.384,00	116,9
4. Gia công	Tấn	3.238,84	3.250,00	100,3
5. Lợi nhuận	Tỷ đồng	10,90	11,01	101,0
II. CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP THỦY SẢN BA TRI				
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	5,76	5,34	92,7
2. Doanh thu	Tỷ đồng	180,49	155,08	85,9
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	1.313,10	1.150,00	87,6
4. Lợi nhuận	Tỷ đồng	4,28	3,50	81,8
III. CHI NHÁNH HÀ NỘI				
1. Doanh thu	Tỷ đồng	9,44	11,33	120,0
2. Lợi nhuận	Tỷ đồng	0,56	0,60	107,1
IV. CÔNG TY SEASPIMEX (Tổng cộng các thành viên)				
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	18,82	19,31	102,6
2. Doanh thu	Tỷ đồng	569,11	613,49	107,8
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	4.208,48	4.534,00	107,7
4. Gia công	Tấn	3.238,84	3.250,00	100,3
5. Lợi nhuận	Tỷ đồng	15,74	15,00	

PHẦN II: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018:**1. Thuận lợi và khó khăn:****a. Thuận lợi:**

- Hoạt động gia công tiếp tục nhận được sự tin cậy của khách hàng nước ngoài, quản lý chất lượng được cải tiến liên tục và nâng cao. Các khách hàng đều đã cam kết duy trì hợp tác lâu dài.
- Thị trường xuất khẩu và trong nước các sản phẩm đóng hộp vẫn còn tiềm năng khai thác.

b. Khó khăn:

- Lực lượng lao động khó tuyển dụng, năng suất lao động thấp, thiếu hụt lực lượng lao động có tay nghề.
- Tình hình tài chính mất cân đối chưa có giải pháp tháo gỡ, tiếp tục phải chịu gánh nặng nợ vay cho sản xuất kinh doanh, dễ gặp rủi ro khi tỷ giá ngoại tệ hoặc lãi suất tăng cao.
- Máy móc thiết bị thiếu và lạc hậu, năng suất lao động thấp, tổ chức sản xuất ở một số bộ phận còn mang dáng dấp kiểu gia đình khó đáp ứng được yêu cầu sản xuất.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

- Theo dự báo năm 2018 sẽ là năm tiếp tục đặt ra nhiều khó khăn, thách thức cho sản xuất kinh doanh. Trước tình hình này, Ban điều hành đã hoạch định chỉ tiêu chính của hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

STT	Các thành viên	Doanh thu (tỷ đồng)	Xuất khẩu (triệu USD)	Sản xuất (tấn)	Gia công (tấn)
1	Nhà máy Seaspimex	447,08	13,97	3.384,00	3.250,00
2	Chi nhánh Ba Tri	155,08	5,34	1.150,00	
3	Chi nhánh Hà Nội	11,33			
Tổng cộng		613,49	19,31	4.534,00	3.250,00

Tổng lợi nhuận năm 2018: 15 tỷ đồng.

Ghi chú: Lợi nhuận kế hoạch năm 2018 không bao gồm lỗ lũy kế.

3. Các kiến nghị và giải pháp:

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức của Công ty nâng cao hiệu quả quản trị, tiết kiệm chi phí sản xuất.
- Từ ngày 01/01/2018 Công ty áp dụng phần mềm quản lý doanh nghiệp Fast vào hạch toán kế toán, xây dựng giá thành sản phẩm, tính toán hiệu quả kinh doanh làm nền tảng cho công tác điều hành.
- Duy trì, phát triển những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, hiệu quả cao.
- Tìm kiếm khách hàng khai thác mặt bằng nhà xưởng hiện có, đầu tư dây chuyền cấp đông tạo cơ hội gia tăng thêm khách hàng gia công nước ngoài.
- Giữ vững thị phần và thúc đẩy phát triển thị trường nội địa.
- Từng bước nâng cấp đầu tư máy móc thiết bị, hạ tầng của nhà máy để nâng cao năng suất lao động.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Tình hình hoạt động của Công ty năm 2017:

- Năm 2017 hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn tiếp tục cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu và nội địa;
- Nguyên liệu phục vụ sản xuất thiếu hụt nghiêm trọng do nguồn cá bị cạn kiệt, khu vực đánh bắt bị thu hẹp do các nguyên nhân khách quan;
- Máy móc thiết bị cũ không đồng bộ, năng suất lao động thấp, khó tuyển dụng lao động phổ thông;
- Tình hình tài chính của Công ty chưa được cải thiện vẫn tiếp tục phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn vốn vay cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Việc Nhà nước ban hành các chính sách có hiệu lực từ 01/01/2017 làm gia tăng chi phí liên quan đến chế độ lao động tiền lương. Nhà nước áp dụng khung tính giá thuê đất mới tại 51/14 Hòa Bình (số cũ 176/32) từ năm 2018, đồng thời truy thu tiền thuê đất của 2 năm 2016 và 2017 (tăng thêm 1 tỷ đồng/năm) làm gia tăng gánh nặng cho chi phí hoạt động của Công ty trong năm 2017 và các năm tiếp theo;

- Lực lượng lao động biến động liên tục, số lượng công nhân tay nghề cao ngày càng ít dẫn đến năng suất lao động thấp. Công ty đã cố gắng đưa ra các chính sách tuyển dụng lao động, sử dụng các biện pháp cải tiến hợp lý hóa quy trình sản xuất nhằm tiết giảm chi phí, thời gian sản xuất;
- Bộ máy tổ chức tiếp tục được củng cố định biên lại lực lượng lao động gián tiếp theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Tập thể CBCNV đoàn kết, gắn bó phấn đấu vì mục tiêu chung của Công ty.

Các chỉ tiêu thực hiện năm 2017:

Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện các năm		So sánh (%)	
			2017	2016	Kế hoạch	Cùng kỳ
I. NHÀ MÁY SEASPIMEX						
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	14,17	13,06	14,13	92	92
2. Doanh thu	Tỷ đồng	475,45	379,18	485,72	80	78
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	3.370,00	2.895,38	3.247,00	86	89
4. Gia công	Tấn	2.822,00	3.238,84	3.848,00	115	84
II. CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP THỦY SẢN BA TRI						
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	4,53	5,76	3,97	127	145
2. Doanh thu	Tỷ đồng	147,44	180,49	138,79	122	130
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	1.150,00	1.313,10	1.093,00	114	120
III. CHI NHÁNH HÀ NỘI						
1. Doanh thu	Tỷ đồng	11,24	9,44	10,10	84	93
IV. CÔNG TY SEASPIMEX (Tổng cộng các thành viên)						
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	18,7	18,82	18,1	100	103
2. Doanh thu	Tỷ đồng	634,13	569,11	634,612	90	90
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	4.520,00	4.208,48	4.340	93	97
4. Gia công	Tấn	2.822,00	3.238,84	3.848	115	84
5. Lợi nhuận	Tỷ đồng	15,00	15,74	-12,278	105	

2. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành:

2.1 Báo cáo hoạt động của HĐQT:

- Trong năm 2017 Hội đồng quản trị đã triển khai 06 cuộc họp định kỳ và đột xuất, trong đó có 04 cuộc họp trực tiếp và 02 cuộc họp gián tiếp để lấy ý kiến, tập trung chỉ đạo, giám sát, hỗ trợ kịp thời công tác điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại Cty;
- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ theo đúng quy định.

2.2 Thực hiện các nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017:

- Hoàn thành Kế hoạch SXKD năm 2017 với tổng lợi nhuận là 15,74 tỷ đồng (lợi nhuận không bao gồm lỗ lũy kế).
- Thực hiện việc chi trả thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT Công ty năm 2017 theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua là 360.000.0000 đồng/năm (*ba trăm sáu mươi triệu đồng*);
- Thực hiện ký Hợp đồng với Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN) để lập báo cáo kiểm toán năm 2017 cho Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản;
- Năm 2017, HĐQT có 01 thành viên kiêm nhiệm công tác điều hành là Ông Lê Công Đức – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Cty. Công ty đã thực hiện việc chi trả tiền lương, thưởng theo đúng quy chế tiền lương của Công ty cho thành viên HĐQT kiêm nhiệm công tác điều hành với tổng số tiền là: 619.174.156 đồng;

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

- Với sự thuận lợi do Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty, điều hành trực tiếp việc sản xuất của Công ty, nên HĐQT đã thường xuyên bám sát, theo dõi, chỉ đạo các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc;
- HĐQT đã giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật, điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT;
- Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt, chỉ đạo một số nội dung chính như sau:
 - ✓ Phê duyệt kế hoạch SXKD, tài chính, đơn giá lương, mức lương Ban Tổng Giám đốc và các vị trí khác thuộc thẩm quyền;
 - ✓ Phê duyệt các nội dung về vay vốn, hạn mức tín dụng vay tại các ngân hàng;
 - ✓ Chỉ đạo hoàn thành đúng thời hạn Báo cáo tài chính kiểm toán, Báo cáo thường niên và công bố thông tin theo đúng quy định;
 - ✓ Phê duyệt, thông qua kế hoạch, nội dung, tài liệu, thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018;
 - ✓ Chỉ đạo hoàn thành thủ tục hồ sơ hoàn thuế GTGT tồn đọng từ tháng 01/2012 đến 06/2015, tổng số tiền được hoàn là: 11.166.208.447 đồng;
 - ✓ Chỉ đạo hoàn tất thủ tục giải thể và đóng mã số thuế của nhà máy thực phẩm Bình Chanh (BCF) trong năm 2017.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

Thuận lợi:

- Hoạt động gia công tiếp tục nhận được sự tin cậy của khách hàng nước ngoài, quản lý chất lượng được cải tiến liên tục và nâng cao. Các khách hàng đều đã cam kết duy trì hợp tác lâu dài.
- Thị trường xuất khẩu và trong nước các sản phẩm đóng hộp vẫn còn tiềm năng khai thác.

Khó khăn:

- Lực lượng lao động khó tuyển dụng, năng suất lao động thấp, thiếu hụt lực lượng lao động có tay nghề.

- Tình hình tài chính mất cân đối chưa có giải pháp tháo gỡ, tiếp tục phải chịu gánh nặng nợ vay cho sản xuất kinh doanh, dễ gặp rủi ro khi tỷ giá ngoại tệ hoặc lãi suất tăng cao.
- Máy móc thiết bị thiếu và lạc hậu, năng suất lao động thấp, tổ chức sản xuất ở một số bộ phận còn mang dáng dấp kiểu gia đình khó đáp ứng được yêu cầu sản xuất.

Trước tình hình đó, HĐQT và Ban Điều hành chủ trương tập trung chỉ đạo tiếp tục hoàn thiện quy trình sản xuất để nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí, song song với việc tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức của Công ty theo hướng chuyên nghiệp, tinh gọn và hiệu quả.

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018:

STT	Các thành viên	Doanh thu (tỷ đồng)	Xuất khẩu (triệu USD)	Sản xuất (tấn)	Gia công (tấn)
1	Nhà máy Seaspimex	447,08	13,97	3.384,00	3.250,00
2	Chi nhánh Ba Tri	155,08	5,34	1.150,00	
3	Chi nhánh Hà Nội	11,33			
Tổng cộng		613,49	19,31	4.534,00	3.250,00

Tổng lợi nhuận năm 2018: 15 tỷ đồng.

Ghi chú: Lợi nhuận kế hoạch năm 2018 không bao gồm lỗ lũy kế.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: gồm 05 thành viên như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	TV điều hành	TV độc lập	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Lê Công Đức	Chủ tịch	X		0	0	
2	Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên		X	278.890	2,58	Cổ đông cá nhân
3	Cao Thanh Định	Thành viên		X	1.120.000	10,37	Cổ đông cá nhân
4	Trần Phước Thái	Thành viên		X	1.296.000	12,00	Đại diện vốn NN
5	Nguyễn Văn Liêm	Thành viên		X	0	0	

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ phụ trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2017 Hội đồng quản trị đã triển khai 06 cuộc họp định kỳ và đột xuất, trong đó có 04 cuộc họp trực tiếp và 02 cuộc họp gián tiếp:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Công Đức	Chủ tịch	4/4	100,00	
2	Ông Nguyễn Văn Liêm	Thành viên	1/4	25,00	Vắng mặt có lý do
3	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên	3/4	75,00	Vắng mặt có lý do, có ủy quyền tham dự
4	Ông Cao Thanh Định	Thành viên	4/4	100,00	
5	Ông Trần Phước Thái	Thành viên	4/4	100,00	

HĐQT thường xuyên giám sát công tác điều hành của Ban Điều hành, đặc biệt là việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và Nghị quyết ĐHĐCĐ nhằm đảm bảo cho Công ty phát triển theo đúng định hướng, mục tiêu đã đề ra.

Các quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2017

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	13/17/NQ/TĐS/HĐQT	31/03/2017	<ul style="list-style-type: none">Thông qua BCTC năm 2016 đã được kiểm toán.Thông nhất bổ sung, sửa đổi Điều lệ Cty.Thông nhất thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ TN 2017.
2	14/17/QĐ/TĐS/HĐQT	03/04/2017	<ul style="list-style-type: none">Thành lập BTC ĐHĐCĐ TN năm 2017.
3	21/17/NQ/TĐS/HĐQT	12/04/2017	<ul style="list-style-type: none">Thông qua nội dung tài liệu họp ĐHĐCĐ TN 2017.Thông qua nhân sự Đoàn chủ tọa dự kiến điều hành ĐH.
4	43/17/NQ/TĐS/HĐQT	18/07/2017	<ul style="list-style-type: none">Thông qua Báo cáo sơ kết tình hình SXKD 06 tháng đầu năm 2017.
5	54/17/NQ/TĐS/HĐQT	16/10/017	<ul style="list-style-type: none">Thông qua Báo cáo sơ kết tình hình SXKD 09 tháng đầu năm 2017.Thông nhất mức chi hoa hồng môi giới cho khách hàng.
6	60/17/NQ/TĐS/HĐQT	04/12/2017	<ul style="list-style-type: none">Thông nhất chọn Cty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính Kế toán & Kiểm toán Nam Việt (AASCN) là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2017 cho Cty.

Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị năm 2017:

STT	Chức danh	Số người	Số tháng	Mức thù lao (đồng/tháng)	Tổng số tiền thù lao (đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	01	12	4.000.000	48.000.000
2	Thành viên HĐQT	04	12	4.000.000	192.000.000
Tổng cộng					240.000.000

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ trong năm 2017: không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ trong năm 2017: không có

Việc thực hiện quy định về quản trị công ty

Công ty cổ phần Thủy Dặc Sản luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt về quản trị công ty để áp dụng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Thành Trung	Trưởng BKS	648.000	6,00	Đại diện vốn NN
2	Nguyễn Kim Hậu	Thành viên BKS	0	0	
3	Lê Thị Tuyền	Thành viên BKS	0	0	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Thực hiện xem xét giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty và thực hiện các nội dung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017, các Nghị quyết của HĐQT;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng của Ban giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

- Giám sát các hoạt động của Công ty để đảm bảo tuân thủ theo pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- Kiểm tra các hoạt động chính của Công ty như: thu mua nguyên liệu, gia công, sản xuất, xuất khẩu, kinh doanh nội địa, công nợ, các hợp đồng mua bán, hợp đồng vay, sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí ...

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị;

- Trong năm 2017, BKS đã có 4 kỳ làm việc trực tiếp để kiểm tra giám sát toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là Quý 1/2017, 6 tháng, 9 tháng và cả năm 2017; thống nhất với số liệu báo cáo tài chính tại các quý của Công ty.



Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác kiểm tra giám sát; nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

Trong năm 2017, Công ty đã chi trả tổng số thù lao công vụ cho thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT với tổng mức thù lao là 360.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu đồng chẵn) đúng theo nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã thông qua, cụ thể như sau:

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thư ký HĐQT năm 2017:

STT	Chức danh	Số người	Số tháng	Mức thù lao (đồng/tháng)	Tổng số tiền thù lao (đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	01	12	4.000.000	48.000.000
2	Thành viên HĐQT	04	12	4.000.000	192.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	01	12	4.000.000	48.000.000
4	Thành viên BKS	02	12	2.000.000	48.000.000
5	Thư ký HĐQT	01	12	2.000.000	24.000.000
Tổng cộng					360.000.000 (1)

Báo cáo lương, thưởng của thành viên HĐQT kiêm nhiệm công việc điều hành Công ty và lương, thưởng của Ban Điều hành Công ty năm 2017:

Năm 2017, Ban điều hành Công ty bao gồm 04 thành viên trong đó có:

- 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm công việc điều hành của Công ty (kiêm nhiệm Tổng Giám đốc Công ty);
- 03 (ba) thành viên chuyên trách điều hành Công ty (02 Phó Tổng Giám đốc + 01 Kế toán trưởng);
- Năm 2017, Công ty đã thực hiện việc chi trả tiền lương, thưởng theo đúng quy chế tiền lương của Công ty cho Tổng Giám đốc với số tiền: 619.174.156 đồng;
- Tổng mức lương, thưởng năm 2017 của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty năm 2017 là: 1.577.040.903 đồng (Một tỷ năm trăm bảy mươi bảy triệu không trăm bốn mươi ngàn chín trăm lẻ ba đồng). (2)

Tổng mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thư ký HĐQT; lương, thưởng của thành viên HĐQT kiêm nhiệm công việc điều hành Công ty và lương, thưởng của Ban Điều hành Công ty năm 2017 là:

(1) + (2) = 1.937.040.903 đồng (Một tỷ chín trăm ba mươi bảy triệu không trăm bốn mươi ngàn chín trăm lẻ ba đồng).

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2017 (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Ban điều hành, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): trong năm 2017 không có giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty)

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản, được lập ngày 19/03/2018, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công



ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh VII.10 trang 40 phần thuyết minh báo cáo tài chính như sau: Theo công văn số 9588/STC-BVG ngày 15/12/2015 của Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh thì Sở Tài chính đã đề nghị Cục thuế Thành Phố Hồ Chí Minh xác định lại khoản chênh lệch giữa giá thuê đất và giá Công ty CP Thủy đặc sản cho thuê lại khu đất 16.397m² tại 213 Hòa Bình, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú để thu hồi (nếu có). Đến thời điểm phát hành báo cáo này Sở tài chính, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Chi Cục Thuế Quận Tân Phú vẫn chưa đưa ra quyết định cuối cùng về vấn đề này.

2. **Báo cáo tài chính được kiểm toán:** Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Chi tiết về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017 xin vui lòng xem tại trang web: www.seaspimex.com.vn (Trang Quan hệ cổ đông → Công bố thông tin năm 2017 → Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2017).

Nơi nhận:

- UB CKNN, SGD CKHN;
- TV HĐQT, Trưởng BKS;
- Lưu VT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



LÊ CÔNG ĐỨC